

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-CR-609 INSTEAD.  
LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-CR-609 BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

STATE OF NORTH CAROLINA  
TIỂU BANG NORTH CAROLINA

File No.  
Số hồ sơ của  
Co. Of Hearing  
Quận/hạt tiến hành phiên tòa

County \_\_\_\_\_ Seat of Court \_\_\_\_\_

Quận/hạt \_\_\_\_\_ Thành Phố của Tòa Án \_\_\_\_\_

NOTE: Use this form for all court-ordered modifications of probation, including changes in conditions, confinement in response to violation under G.S. 15A-1344(d2) or contempt under G.S. 5A-11, and all findings/orders resulting from violation hearings when probation is not revoked completely.

LƯU Ý: Sử dụng mẫu này để ghi lại tất cả các trường hợp sửa đổi lệnh quản chế theo lệnh của Tòa Án, bao gồm thay đổi điều kiện, phạt tù do có hành vi vi phạm theo G.S. 15A-1344(d2) hoặc xử tội coi thường Tòa Án theo G.S. 5A-11, và để ghi lại tất cả các xác nhận/án lệnh sau khi tiến hành phiên tòa xét xử tội vi phạm nếu lệnh quản chế không bị hủy bỏ toàn phần.

In The General Court Of Justice  
Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý

- District  Superior Court Division  
Phân Bộ Tòa Án  
 Khu Vực  Thượng Thẩm

STATE VERSUS  
TIỂU BANG CHỐNG LẠI

ORDER ON VIOLATION OF PROBATION  
OR ON MOTION TO MODIFY  
(For All Modifications On Or After Dec. 1, 2011)  
LỆNH VỀ VIỆC XỬ LÝ VI PHẠM QUẢN CHẾ HOẶC VỀ  
KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI QUẢN CHẾ  
(Đối với tất cả các trường hợp sửa đổi vào hoặc  
sau ngày 1 Tháng Mười Hai, 2011)

Name Of Defendant  
Tên bị cáo

Race  
Chủng tộc

Sex  
Giới tính

Date Of Birth (mm/dd/yyyy)  
Ngày sinh (tháng/ngày/năm)

Defendant's Drivers License No.  
Số bằng lái của bị cáo

State  
Tiểu bang

Attorney For State  
Luật sư đại diện cho tiểu bang

Def. Found Not Indigent  
Bị cáo không phải là người nghèo

Def. Waived Attorney  
Bị cáo từ bỏ quyền có luật sư

Attorney For Defendant  
Luật sư của bị cáo

Appointed  
Được chỉ định

Retained  
Được thuê

Crt Rptr Initials  
Chữ ký tắt của  
tóc ký viên

G.S. 15A-1344, -1345  
G.S. 15A-1344, -1345

The defendant was placed on probation pursuant to the following Judgment Suspending Sentence:  
Bị cáo được cho hưởng lệnh quản chế chiếu theo Phán Quyết Án Treo dưới đây:

Date Of Judgment Suspending Sentence  
(mm/dd/yyyy)  
Ngày ban hành Phán Quyết Án Treo  
(tháng/ngày/năm)

Name Of County And File No. (County Of Original Conviction)  
Tên quận/hạt và số hồ sơ (của quận/hạt nơi ban hành bản án ban đầu)

This matter is before the Court upon:  
Vụ này được đưa trước Tòa Án để:

1. review under G.S. 15A-1342(b) or (d). After reasonable notice to the defendant, the Court  finds  does not find that termination of probation is warranted by the defendant's conduct and the ends of justice.  
1. xem xét lại chiếu theo G.S. 15A-1342(b) hoặc (d). Sau khi thông báo một cách thích đáng cho bị cáo, Tòa Án  xác nhận  không xác nhận rằng có đủ cơ sở để hủy bỏ lệnh quản chế căn cứ vào hành vi của bị cáo và các mục đích công lý.
2. motion to modify the defendant's probation without charge of violation. Upon  notice and hearing  consent of the State and the defendant (see signatures on Side Two if modification entered in chambers), the Court  finds  does not find that good cause has been shown to modify the original Judgment Suspending Sentence.  
2. thụ lý kiến nghị yêu cầu sửa đổi lệnh quản chế của bị cáo cho dù bị cáo không bị tố cáo vi phạm. Sau khi  tổng đạt thông báo và tiến hành phiên tòa  có sự đồng ý của Tiểu Bang và bị cáo (xem các chữ ký ở Mặt Hai nếu lệnh sửa đổi được ban hành trong văn phòng của thẩm phán), Tòa Án  xác nhận  không xác nhận rằng các bên đã chứng minh có đủ cơ sở chính đáng để sửa đổi Phán Quyết Án Treo ban đầu.
3. allegation of violation of the conditions of the defendant's probation.  
3. xử lý cáo buộc vi phạm các điều kiện quản chế được quy định cho bị cáo.

Upon due notice of the alleged violation(s) or waiver of such notice, a hearing was held before the Court. After considering the record in the above-captioned case, the evidence presented, and any statements of the State and the defendant, the Court finds that the defendant admitted or that the Court is reasonably satisfied in the exercise of its discretion that: (check all that apply)

Sau khi thông báo đúng cách về (các) vi phạm bị tố cáo hoặc sau khi bị cáo từ bỏ quyền được thông báo như vậy, Tòa Án đã tiến hành phiên tòa. Sau khi xem xét các hồ sơ tài liệu về vụ án nêu trên cũng như các chứng cứ được đệ trình và bất kỳ lời trình bày nào mà Tiểu Bang và bị cáo đưa ra, Tòa Án xác nhận rằng bị cáo đã thú nhận hoặc Tòa Án tương đối tin tưởng, trong phạm vi thẩm quyền của mình, rằng: (đánh dấu vào tất cả các ô thích hợp)

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)

Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.

(Xem mặt sau)

1. the defendant violated the condition(s) of probation set forth in  a. Paragraph(s) \_\_\_\_\_ in the Violation Report or Notice of Hearing dated (mm/dd/yyyy) \_\_\_\_\_,  b. Paragraph(s) \_\_\_\_\_ in the Violation Report or Notice of Hearing dated (mm/dd/yyyy) \_\_\_\_\_,  c. the attached sheet. Such violation(s) was willful and without valid excuse and occurred at a time prior to the expiration or termination of the period of the probation.
1. bị cáo đã vi phạm (các) điều kiện quản chế được ghi trong  a. (các) đoạn \_\_\_\_\_ trong Báo Cáo Vi Phạm hoặc Thông Báo Phiên Tòa đề ngày (tháng/ngày/năm) \_\_\_\_\_,  b. (các) đoạn \_\_\_\_\_ trong Báo Cáo Vi Phạm hoặc Thông Báo Phiên Tòa đề ngày (tháng/ngày/năm) \_\_\_\_\_,  c. trang giấy đính kèm. (Các) vi phạm đó mang tính chất cố ý và không có lý do bào chữa hợp lý, và xảy ra trước khi thời gian quản chế của bị cáo hết hạn hoặc kết thúc.
2. the defendant violated the condition(s) of probation set forth in  a. Paragraph(s) \_\_\_\_\_ in the Violation Report or Notice of Hearing dated (mm/dd/yyyy) \_\_\_\_\_,  b. Paragraph(s) \_\_\_\_\_ in the Violation Report or Notice of Hearing dated (mm/dd/yyyy) \_\_\_\_\_,  c. the attached sheet, but said violation(s)  was not willful.  is validly excused.
2. bị cáo đã vi phạm (các) điều kiện quản chế ghi trong  a. (các) đoạn \_\_\_\_\_ trong Báo Cáo Vi Phạm hoặc Thông Báo Phiên Tòa đề ngày (tháng/ngày/năm) \_\_\_\_\_,  b. (các) đoạn \_\_\_\_\_ trong Báo Cáo Vi Phạm hoặc Thông Báo Phiên Tòa đề ngày (tháng/ngày/năm) \_\_\_\_\_,  c. trang giấy đính kèm, nhưng (các) vi phạm này  không phải là cố ý.  có lý do bào chữa hợp lý.
3. the defendant has not violated any of the conditions of the defendant's probation except those found above, if any.
3. bị cáo đã không vi phạm bất kỳ điều kiện quản chế nào trừ các điều kiện nêu trên, nếu có.
4. the defendant is guilty of contempt beyond a reasonable doubt.
4. không còn một nghi ngờ hợp lý nào về việc bị cáo có tội coi thường tòa án.

**ORDER  
ÁN LỆNH**

It is ORDERED that:

Tòa Án RA LỆNH:

1. the original Judgment is modified as set forth below and, except as specifically so modified, shall remain in full force and effect.
1. phán quyết ban đầu được sửa đổi như được ghi dưới đây, và ngoại trừ các sửa đổi cụ thể này thì các phần còn lại vẫn có hiệu lực thi hành đầy đủ.
2. the original Judgment is not modified, but remains in full force and effect.
2. phán quyết ban đầu không cần được sửa đổi và vẫn có hiệu lực thi hành đầy đủ.
3. the defendant's limited driving privilege is REVOKED; the defendant shall surrender all copies of that privilege to the Clerk of Superior Court for transmittal/notification to the Division of Motor Vehicles.
3. đặc quyền lái xe có giới hạn dành cho bị cáo bây giờ bị HỦY BỎ; bị cáo phải giao cho Lục Sự Tòa Thượng Thẩm tất cả các bản sao của văn bản đặc quyền để chuyển giao/thông báo cho Nha Lộ Vận.
4. the defendant's probation is terminated. **NOTE:** When this option is checked, the "Restitution Update Worksheet, Notice And Findings (Revocation Or Termination Of Probation)," AOC-CR-612, must be completed in every case in which the defendant was ordered, as a condition of probation, to pay restitution in an amount in excess of \$250 to a Victims' Rights Act victim.
4. lệnh quản chế của bị cáo bị hủy bỏ. **LƯU Ý:** Khi mục này được đánh dấu thì phải điền đầy đủ mẫu AOC-CR-612, "Bảng Tính Tiền Bồi Thường Được Cập Nhật, Thông Báo và Các Xác Nhận (Khi Hủy Bỏ hoặc Chấm Dứt Lệnh Quản Chế)" trong mỗi trường hợp mà một trong những điều kiện quản chế quy định cho bị cáo là phải trả tiền bồi thường nhiều hơn 250\$ cho một nạn nhân theo Điều Luật về Quyền của Nạn Nhân.
5. all charges of probation violation in this case, which are not specifically found above, are dismissed.
5. tất cả các lời tố cáo về việc vi phạm quản chế trong vụ này, nếu không được xác nhận rõ ở trên, đều được bác bỏ.
6. the disposition of this matter is continued until \_\_\_\_\_.
6. quyết định cuối cùng trong vụ án này được hoãn lại cho đến \_\_\_\_\_.
7. the defendant for willful contempt:
7. bị cáo có tội cố ý coi thường tòa án, do đó:
- a. be imprisoned for \_\_\_\_\_ days in the custody of the sheriff.  as provided in AOC-CR-609, Page Two, attached.
- a. phải ở tù giam trong \_\_\_\_\_ ngày dưới sự quản lý của cảnh sát trưởng quận/hạt.  phải chịu các lệnh được nêu ở Mặt Hai của mẫu AOC-CR-609 được đính kèm.
- b. pay a fine of \$ \_\_\_\_\_.  c. Other: \_\_\_\_\_.
- b. phải nộp \_\_\_\_\_ \$ tiền phạt.  c. hình phạt khác: \_\_\_\_\_.
8. (offenses committed on or after October 31, 1998) the defendant's drivers license is revoked whether the defendant is present or not. G.S.143B-708 (NOTE: Select this option whenever the Court finds a willful violation of a community service condition of probation. If this option is selected, complete AOC-CR-317, Side One, and notify DMV.)
8. (đối với các tội vi phạm vào hoặc sau ngày 31 Tháng Mười, 1998) bằng lái của bị cáo bị thu hồi cho dù bị cáo có mặt trên tòa hay không. G.S. 143B-708 (LƯU Ý: Đánh dấu vào mục này khi Tòa Án xác nhận rằng bị cáo đã cố ý vi phạm điều kiện trong lệnh quản chế về việc phục vụ cộng đồng. Nếu đánh dấu mục này thì cũng phải điền vào Mặt Một của mẫu AOC-CR-317 và thông báo cho Nha Lộ Vận.)

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)

Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.

(Xem mặt sau)

**MODIFIED MONETARY CONDITIONS  
CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ CHI PHÍ ĐIỀU CHỈNH**

The "Monetary Conditions" in the Judgment Suspending Sentence are modified to read as follows: The defendant shall pay to the Clerk of Superior Court the "Modified Amount Due" shown below, plus the probation supervision fee if placed on supervised probation, pursuant to a schedule Phần "Các Điều Kiện Về Chi Phí" trong Phán Quyết Án Treo được điều chỉnh như sau: Bị cáo sẽ thanh toán cho Lục Sự Tòa Thượng Thẩm số tiền ghi trong mục "Số tiền điều chỉnh phải trả" dưới đây, cộng với chi phí giám sát trong thời gian quản chế nếu Tòa Án ra lệnh quản chế có giám sát, theo lịch

determined by the probation officer.  set out by the court as follows: \_\_\_\_\_  
do nhân viên quản chế chỉ định. theo quy định của Tòa Án như sau: \_\_\_\_\_

Balance/Obligation Due* Số tiền còn thiếu/Nợ đến hạn trả*	Arrearage/Probation Fee Số tiền thiếu từ trước/Lệ phí quản chế	Atty's Fee This Proceeding Chi phí luật sư cho thủ tục này	Comm Svc Fee Chi phí phục vụ cộng đồng	EHA Fee Lệ phí thiết bị điện tử theo dõi quản thức tại gia (EHA)	SBM Fee Lệ phí theo dõi bằng vệ tinh (SBM)	Appt Fee/Misc Lệ phí xếp hẹn/Lệ phí khác	Modified Amount Due Số tiền điều chỉnh phải trả
\$	\$	\$	\$	\$	\$	\$	\$

\*Equals "Total Amount Due" as shown on original Judgment, less all payments made to date.

\*Tương đương với "Tổng số tiền phải trả" ghi trong Phán Quyết ban đầu, trừ tất cả các khoản tiền đã thanh toán từ trước tới giờ.

The Court finds just cause to waive costs, as ordered on the attached  AOC-CR-618.  Other: \_\_\_\_\_  
Tòa Án xác nhận rằng có cơ sở chính đáng để cho miễn đóng các chi phí theo lệnh ở mẫu đính kèm  AOC-CR-618.  Mẫu khác: \_\_\_\_\_

**OTHER MODIFICATIONS OF PROBATION  
CÁC ĐIỀU KIỆN QUẢN CHẾ KHÁC ĐƯỢC SỬA ĐỔI**

1. The defendant's term of probation is extended for a period of \_\_\_\_\_  
1. Thời gian quản chế của bị cáo được gia hạn thêm \_\_\_\_\_  
 a. for good cause shown, pursuant to G.S. 15A-1344(d). (**NOTE:** The total of the original period of probation plus all extensions under G.S. 15A-1344(d) may not exceed five years.)  
a. vì có lý do chính đáng chiếu theo G.S. 15A-1344(d). (**LƯU Ý:** Tổng thời gian quản chế, tính cả thời gian ban đầu cộng với tất cả những lần gia hạn theo G.S. 15A-1344(d) không được quá năm năm.)  
 b. with the defendant's consent, pursuant to G.S. 15A-1342(a) or G.S. 15A-1343.2(d). (**NOTE:** The extension must be for the purpose of allowing the defendant to complete a program of restitution or continue medical or psychiatric treatment ordered as a condition of probation. The extension may be ordered only during the last six months of the original, unextended period of probation and may not exceed three years beyond the original period of probation.)  
b. vì bị cáo đã đồng ý chiếu theo G.S. 15A-1342(a) hoặc G.S. 15A-1343.2(d). (**LƯU Ý:** Việc gia hạn này phải nhằm mục đích cho phép bị cáo hoàn thành một chương trình bồi thường hoặc tiếp tục nhận được dịch vụ điều trị y tế hay tâm lý theo một điều kiện quản chế được ghi trong lệnh. Tòa Án chỉ được phép ra lệnh gia hạn trong sáu tháng cuối của thời gian quản chế nguyên thủy ban đầu, và thời gian gia hạn không được vượt quá ba năm sau khi thời gian quản chế ban đầu kết thúc.)
2. The defendant's assignment to intensive supervision is terminated and the defendant is continued on supervised probation.  
2. Lệnh chỉ định bị cáo tham gia chương trình giám sát tập trung được chấm dứt và từ bây giờ trở đi bị cáo sẽ tham gia chương trình quản chế có giám sát thường.
3. The defendant is transferred to  unsupervised  supervised probation.  
3. Bị cáo được chuyển đến chương trình quản chế  không có giám sát  có giám sát.
4. The defendant is allowed until \_\_\_\_\_ to comply with the following condition(s):  
4. Bị cáo phải thực hiện (các) điều kiện dưới đây vào hay trước ngày \_\_\_\_\_:
5. The special conditions of probation identified below, as numbered and set out in the Judgment Suspending Sentence, are modified as follows:  
(State number of each condition to be modified and set out modification.)  
5. Các điều kiện quản chế đặc biệt ghi dưới đây, như được đánh số và nêu rõ trong Phán Quyết Án Treo, bây giờ được sửa đổi như sau: (Cho biết số của mỗi điều kiện được sửa đổi và miêu tả nội dung sửa đổi đó.)
6. The defendant shall also comply with the following additional special conditions of probation which the Court finds are related to the defendant's rehabilitation:  
6. Bị cáo cũng phải tuân thủ các điều kiện quản chế đặc biệt bổ sung dưới đây mà Tòa Án xác nhận là có liên quan đến quá trình phục hồi, cải huấn bị cáo:  
 complete \_\_\_\_\_ hours of community service during the first \_\_\_\_\_ days after entry of this Order, as directed by the judicial service coordinator. The fee prescribed by G.S. 143B-708 is  
hoàn tất \_\_\_\_\_ giờ phục vụ cộng đồng trong \_\_\_\_\_ ngày đầu sau khi ban hành lệnh này và theo hướng dẫn của nhân viên điều phối dịch vụ tòa án. Lệ phí được quy định trong điều G.S. 143B-708  
 (for offenses committed on or after December 1, 2009) not assessed because it was assessed in the original Judgment or in a case adjudicated during the same term of court.  
(đối với các tội vi phạm vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười Hai, 2009) được miễn bởi vì bị cáo đã bị tính lệ phí đó trong Phán Quyết ban đầu hoặc trong một vụ án khác được phân xử trong cùng một nhiệm kỳ tòa án.  
 to be paid  pursuant to the schedule set out under Modified Monetary Conditions on Side One  within \_\_\_\_\_ days of this Order and before beginning service.  
 phải được thanh toán  theo lịch được nêu trong mục Các Điều Kiện Về Chi Phí Điều Chỉnh ở Mặt Một  trong vòng \_\_\_\_\_ ngày sau ngày ban hành Lệnh này và trước khi bắt đầu phục vụ cộng đồng.

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)

Các nội dung không được đánh dấu vào ở vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.

(Xem mặt sau)

- (for offenses committed on or after December 1, 2012) Abstain from alcohol consumption and submit to continuous alcohol monitoring for a period of \_\_\_\_\_  days,  months, the Court having found that a substance abuse assessment has identified defendant's alcohol dependency or chronic abuse.  
(đối với các tội vi phạm vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười Hai, 2012) Không dùng đồ uống có cồn (rượu, bia v.v...) và đồng ý đeo thiết bị xét nghiệm cồn trong máu liên tục trong thời gian \_\_\_\_\_  ngày  tháng, căn cứ vào việc Tòa Án xác nhận kết quả của buổi thăm định tình trạng lạm dụng chất gây nghiện cho rằng bị cáo có tình trạng nghiện hoặc lạm dụng rượu dài hạn.
- Other: (set out conditions)  
Điều kiện khác: (ghi rõ các điều kiện)

7. (not valid for impaired driving probation) The Court previously
7. ((không áp dụng mục này đối với các trường hợp quản chế vi tội lái xe trong tình trạng không tỉnh táo) Trước đây Tòa Án đã
- a. withheld delegated authority under G.S. 15A-1343.2(e) or (f) but grants it by this Order.  
a. không đồng ý ủy quyền theo G.S. 15A-1343.2(e) hay (f) nhưng bây giờ chấp nhận ủy quyền theo Lệnh này.
- b. did not withhold delegated authority under G.S. 15A-1343.2(e) or (f) but now finds that it is NOT appropriate to delegate such authority to the Section of Community Corrections.  
b. ủy quyền theo G.S. 15A-1343.2(e) hay (f) nhưng bây giờ xác nhận rằng việc ủy quyền cho Phần Bộ Cải Huấn Tại Ngoại là KHÔNG thích hợp.
8. The sentence of intermediate punishment is modified, (or) pursuant to G.S.15A-1344(a), the previous sentence of community punishment is modified, as follows: comply with the conditions of intermediate punishment set forth on the attached AOC-CR-609, Page Two, Side One.  
8. Bản án phạt trung cấp được sửa đổi, (hoặc) chiếu theo G.S. 15A-1344(a), bản án phạt trong cộng đồng trước đây được sửa đổi như sau: phải tuân thủ các điều kiện của hình phạt trung cấp được nêu trong Mặt Một, Trang Hai của mẫu AOC-CR-609 đính kèm.
9. (not valid for impaired driving probation) The sentence is modified as follows: comply with the additional community and intermediate probation conditions set forth on the attached AOC-CR-609, Page Two, Side Two.  
9. (không áp dụng mục này đối với các trường hợp quản chế vi tội lái xe trong tình trạng không tỉnh táo) Bản án được sửa đổi như sau: phải tuân thủ các điều kiện quản chế bổ sung, bao gồm các hình phạt trong cộng đồng và trung cấp, được nêu trong Mặt Hai, Trang Hai của mẫu AOC-CR-609 đính kèm.
10. As a result of the willful violation of probation, the defendant shall be incarcerated for the period of confinement in response to violation imposed on the attached AOC-CR-609, Page Two, Side Two. G.S. 15A-1344(d2). (NOTE: For violations occurring on or after Dec. 1, 2011, only.)  
10. Hậu quả của việc cố ý vi phạm quản chế là bị cáo phải ở tù giam trong thời gian phù hợp với vi phạm đó theo như được quy định ở Mặt Hai, Trang Hai của mẫu AOC-CR-609 đính kèm. G.S. 15A-1344(d2). (LƯU Ý: Chỉ đối với các vi phạm quản chế xảy ra vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười Hai, 2011.)

**ORDER OF COMMITMENT/APPEAL ENTRIES**  
**LỆNH GIAM TÙ/CÁC GHI CHÚ VỀ VIỆC KHÁNG CÁO**

- It is ORDERED that the Clerk deliver two certified copies of this Order and Commitment to the sheriff or other qualified officer and that the officer cause the defendant to be delivered with these copies to the custody of the agency named on the reverse to serve the sentence imposed or until the defendant shall have complied with the conditions of release pending appeal.  
Tòa Án RA LỆNH cho Lục Sự giao hai bản sao y bản chính của Phán Quyết và Lệnh Giam Tù này cho cảnh sát trưởng quận/hạt hoặc một viên chức có thẩm quyền khác, và ra lệnh cho người đó chuyển bị cáo cùng với các bản sao này đến cơ quan được nêu ở mặt trước để thụ án đã tuyên hoặc cho đến khi bị cáo đáp ứng các điều kiện để được tại ngoại trong thời gian chờ kháng cáo.
- The defendant gives notice of appeal from the Judgment of the District Court to the Superior Court.  
Bị cáo thông báo sẽ kháng cáo phán quyết của Tòa Án Khu Vực lên Tòa Án Thượng Thẩm.  
**NOTE:** For probation violations occurring on or after Dec. 1, 2013, G.S. 15A-1347(b) provides: "If a defendant waives a revocation hearing [in district court], the finding of a violation of probation, activation of sentence, or imposition of special probation may not be appealed to the superior court."  
**LƯU Ý:** Đối với các vi phạm quản chế xảy ra vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười Hai, 2013, G.S. 15A-1347(b) quy định rằng: "Nếu bị cáo từ bỏ quyền ra tòa xét xử việc hủy bỏ lệnh quản chế [ở tòa án khu vực] thì bị cáo không thể kháng cáo lên tòa án thượng thẩm để chống lại phán quyết xử có tội vi phạm quản chế, phục hồi án tù, hoặc áp dụng biện pháp kết hợp phạt tù và quản chế."
- The current pretrial release order is modified as follows: \_\_\_\_\_  
Lệnh tại ngoại chờ xét xử hiện tại được sửa đổi như sau: \_\_\_\_\_
- The defendant gives notice of appeal from the Judgment of the Superior Court to the Appellate Division. Appeal entries and any conditions of post-conviction release are set forth on form AOC-CR-350.  
Bị cáo thông báo sẽ kháng cáo phán quyết của Tòa Án Thượng Thẩm lên Tòa Án Phúc Thẩm. Các ghi chú về việc kháng cáo và bất kỳ điều kiện nào để được tại ngoại sau khi bị kết án được ghi rõ trên mẫu AOC-CR-350.

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)

Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.

(Xem mặt sau)





**STATE VERSUS  
TIỂU BANG CHỐNG LẠI**

File No.  
Số Hồ Sơ

Name Of Defendant  
Tên bị cáo

**INTERMEDIATE PUNISHMENTS - CONTEMPT  
CÁC HÌNH PHẠT TRUNG CẤP - TỘI COI THƯỜNG TÒA ÁN**

**NOTE:** Use this page in conjunction with **AOC-CR-609**, "Order On Violation Of Probation Or On Motion To Modify"; **AOC-CR-634**, "Disposition/Modification Of Deferred Prosecution"; and **AOC-CR-635**, "Disposition/Modification Of Conditional Discharge."

**LƯU Ý:** Sử dụng trang này cùng với mẫu **AOC-CR-609**, "Lệnh Về Việc Xử Lý Vi Phạm Quản Chế Hoặc Về Kiến Nghị Sửa Đổi Quản Chế"; **AOC-CR-634**, "Xử Lý/Sửa Đổi Lệnh Hoàn Tố"; và **AOC-CR-635**, "Xử Lý/Sửa Đổi Lệnh Xóa Bỏ Bản Án Có Điều Kiện."

In addition to complying with the regular and any special, community, or intermediate conditions of probation set forth in the "Judgment Suspending Sentence" or herein for the above case(s), the defendant shall also comply with the following intermediate punishment(s) under G.S. 15A-1340.11(6): Ngoài việc tuân thủ các điều kiện quản chế thông thường và bất kỳ điều kiện quản chế đặc biệt, điều kiện trong cộng đồng hoặc điều kiện trung cấp nào (nếu có) được nêu trong mẫu "Phán Quyết Án Treo" hoặc trong mẫu này đối với (các) vụ án trên, bị cáo còn phải chịu các hình phạt trung cấp theo điều G.S. 15A-1340.11(6):

- 1. Special Probation - G.S. 15A-1344(e)**  **Contempt - G.S. 15A-1344(e1) and 5A-11(a)**  
**1. Chương Trình Kết Hợp Phạt Tù Và Quản Chế - G.S. 15A-1344(e)** **Tội Coi Thường Tòa Án - G.S. 15A-1344(e1) và 5A-11(a)**

**For the defendant's active sentence as a condition of special probation, the defendant shall comply with these additional regular conditions of probation:** (1) Obey the rules and regulations of the Division of Adult Correction and Juvenile Justice governing the conduct of inmates while imprisoned. (2) Report to a probation officer in the State of North Carolina within seventy-two (72) hours of the defendant's discharge from the active term of imprisonment.

**Trong thời gian bị cáo thi hành phần án tù, muốn được cho hưởng phần án quản chế thì bị cáo phải tuân thủ các điều kiện quản chế thông thường bổ sung dưới đây:** (1) Tuân theo các quy định và quy chế của Phân Bộ Cải Huấn Người Trưởng Thành và Trẻ Vị Thành Niên về hành vi tù nhân trong suốt thời gian ở tù. (2) Trình diện với một nhân viên quản chế ở Tiểu Bang North Carolina trong vòng bảy mươi hai (72) tiếng sau khi bị cáo hoàn tất phần án tù và được tha tù.

- A. Serve an active term of \_\_\_\_\_  days  months  hours in the custody of the  
 N.C. DACJJ.  Sheriff of this County.  Other: \_\_\_\_\_

- A. Thi hành án tù là \_\_\_\_\_  ngày  tháng  giờ dưới sự quản lý của  
 Phân Bộ Cải Huấn Người Trưởng Thành và Trẻ Vị Thành Niên của NC  Cảnh Sát Trưởng Quận/Hạt này.  
 Nơi khác: \_\_\_\_\_

- B. The defendant shall report in a sober condition to begin serving his/her term on:

- B. Bị cáo phải trình diện trong tình trạng tỉnh táo để bắt đầu thi hành án tù vào:

Day Thứ trong tuần	Date (mm/dd/yyyy) Ngày trong tháng (tháng/ngày/năm)	Hour Giờ	<input type="checkbox"/> AM Sáng <input type="checkbox"/> PM Chiều
-----------------------	--	-------------	---

and shall remain in custody until \_\_\_\_\_ và sẽ tiếp tục ở tù cho đến:

Day Thứ trong tuần	Date (mm/dd/yyyy) Ngày trong tháng (tháng/ngày/năm)	Hour Giờ	<input type="checkbox"/> AM Sáng <input type="checkbox"/> PM Chiều
-----------------------	--	-------------	---

- C. The defendant shall again report in a sober condition to continue serving this term on the same day of the week for the next \_\_\_\_\_ consecutive weeks, and shall remain in custody during the same hours each week until completion of the active sentence ordered.  
C. Trong \_\_\_\_\_ tuần tiếp theo, bị cáo sẽ trình diện lại vào cùng ngày đó hàng tuần trong tình trạng tỉnh táo để tiếp tục thi hành án tù, và sẽ ở tù theo cùng lịch nêu trên cho tới khi thi hành xong bản án tù đã tuyên.
- D. This sentence shall be served at the direction of the probation officer within \_\_\_\_\_  days  months of this judgment.  
D. Bản án này phải được thi hành theo chỉ thị của nhân viên quản chế trong vòng \_\_\_\_\_  ngày  tháng từ ngày ban hành phán quyết này.
- E. Pay jail fees.  F. Work release is recommended.  
E. Thanh toán các chi phí nhà tù. F. Đề nghị bị cáo tham gia chương trình vừa ở tù vừa đi làm.
- G. Substance abuse treatment is recommended.  
G. Đề nghị bị cáo tham gia chương trình điều trị tình trạng lạm dụng chất gây nghiện.
- H. Other:  
H. Điều kiện khác:

- 2. Residential Program - G.S. 15A-1340.11(8); 15A-1343(b1)(2)** (for offenses committed before Dec. 1, 2011, only)

**2. Chương Trình Nội Trú - G.S. 15A-1340.11(8); 15A-1343(b1)(2)** (chỉ đối với các tội vi phạm trước ngày 1 Tháng Mười Hai, 2011)

Attend or reside in \_\_\_\_\_ (name program) residential program for a period of \_\_\_\_\_  days,  months, and abide by all rules and after care regulations of that program.

Bị cáo phải tham gia hoặc ở lại tại chương trình nội trú \_\_\_\_\_ (tên chương trình) trong \_\_\_\_\_  ngày,  tháng, và tuân thủ tất cả các quy định nội trú cũng như các yêu cầu sau khi hoàn tất quá trình chăm sóc của chương trình đó.

Other:

Điều kiện khác:

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)

Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.

(Xem mặt sau)

- 3. House Arrest With Electronic Monitoring - G.S. 15A-1340.11(4a); 15A-1343(b1)(3c)** (for offenses committed before Dec. 1, 2011, only)  
**3. Quản Thúc Tại Gia Với Thiết Bị Theo Dõi Điện Tử - G.S. 15A-1340.11(4a); 15A-1343(b1)(3c)** (chỉ đối với các tội vi phạm trước ngày 1 Tháng Mười Hai, 2011)

Be assigned to house arrest and electronic monitoring and remain at the defendant's residence for a period of \_\_\_\_\_  days,  months, abide by all rules, regulations and directions of the probation officer regarding such monitoring, and pay the fee prescribed in G.S. 15A-1343(c2) as provided under Modified Monetary Conditions. The defendant may leave the residence for the following purpose(s) and as otherwise permitted by the defendant's probation officer:  employment  counseling  a course of study  vocational training.  
Bị cáo được chỉ định vào chương trình quản thúc tại gia với thiết bị theo dõi điện tử và ở nguyên trong nhà của mình trong thời gian \_\_\_\_\_  ngày  tháng, tuân theo tất cả các quy định, quy chế và hướng dẫn của nhân viên quản chế liên quan đến việc theo dõi, và thanh toán các lệ phí quy định trong G.S. 15A-1343(c2) như được nêu trong mục Các Điều Kiện Về Chi Phí Điều Chỉnh. Bị cáo có thể ra khỏi nhà ở vì (các) mục đích sau đây, và vào những dịp khác nếu nhân viên quản chế của bị cáo cho phép:  đi làm  tham gia chương trình tư vấn  đi học  tham gia chương trình huấn nghề.

Other:

Điều kiện khác:

- 4. Intensive Supervision - G.S. 15A-1340.11(5); 15A-1343(b1)(3b); 143B-704(c)** (for offenses committed before Dec. 1, 2011, only)  
**4. Giám Sát Tập Trung - G.S. 15A-1340.11(5); 15A-1343(b1)(3b); 143B-704(c)** (chỉ đối với các tội vi phạm trước ngày 1 Tháng Mười Hai, 2011)

Submit to intensive supervision pursuant to G.S. 143B-704(c), for a period of \_\_\_\_\_ months (6 to 9 months recommended by the Section of Community Corrections), and comply with the rules adopted for such supervision by the Section of Community Corrections.

Bị cáo đồng ý chịu sự giám sát tập trung chiếu theo G.S. 143B-704(c) trong thời gian \_\_\_\_\_ tháng (Phân Bộ Cải Huấn Tại Ngoại đề nghị 6 đến 9 tháng), và tuân thủ các quy định của Phân Bộ Cải Huấn Tại Ngoại đề ra cho chương trình giám sát này.

Other:

Điều kiện khác:

- 5. Day Reporting Center - G.S. 15A-1340.11(3); 15A-1343(b1)(10); 15A-1340.11(6)** (for offenses committed before Dec. 1, 2011, only)  
**5. Trung Tâm Trình Diện Định Kỳ - G.S. 15A-1340.11(3); 15A-1343(b1)(10); 15A-1340.11(6)** (chỉ đối với các tội vi phạm trước ngày 1 Tháng Mười Hai, 2011)

Report as directed by the probation officer to the Day Reporting Center for a period of \_\_\_\_\_  days,  months, and abide by all rules and regulations of that program.

Bị cáo phải trình diện tại Trung Tâm Trình Diện Định Kỳ theo chỉ thị của nhân viên quản chế trong \_\_\_\_\_  ngày  tháng, và tuân theo tất cả các điều lệ, quy định khác của chương trình này.

Other:

Điều kiện khác:

- 6. Drug Treatment Court - G.S. 15A-1340.11(3a); 15A-1340.11(6)**  
**6. Tòa Án Phán Quyết Điều Trị Nghiện Ma Túy - G.S. 15A-1340.11(3a); 15A-1340.11(6)**

Comply with the rules adopted for the program as provided for in Article 62 of Chapter 7A of the General Statutes and report on a regular basis for a specified time to participate in court supervision, drug screening or testing, and drug or alcohol treatment programs.

Bị cáo phải tuân thủ các quy định của chương trình này được nêu trong Điều 62, Chương 7A của Bộ Luật Chung, và trình diện định kỳ trong thời gian chỉ định để được Tòa Án theo dõi, thực hiện xét nghiệm hoặc kiểm tra sàng lọc ma túy, và tham gia các chương trình cai nghiện ma túy hoặc rượu bia.

Other:

Điều kiện khác:

**INTERMEDIATE CONDITIONS OF PROBATION - G.S.15A-1343(b4)**  
**CÁC ĐIỀU KIỆN QUẢN CHẾ TRUNG CẤP - G.S. 15A-1343(b4)**

**NOTE:** These conditions apply only to persons on intermediate punishment for offenses committed on or after December 1, 2009.

**LƯU Ý:** Các điều kiện này chỉ áp dụng cho những người chịu hình phạt trung cấp vì đã vi phạm quản chế vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười Hai, 2009.

If subject to intermediate punishment, the defendant shall, in addition to the terms and conditions imposed above, comply with the following intermediate conditions of probation.

(1) If required by the defendant's probation officer, perform community service under the supervision of the Section of Community Corrections, and pay the fee required by G.S. 143B-708, but no fee shall be due if the Court imposed community service as a special condition of probation and assessed the fee in this judgment or any judgment for an offense adjudicated in the same term of court. (2) Not use, possess, or control alcohol. (3) Remain within the defendant's county of residence unless granted written permission to leave by the court or the defendant's probation officer. (4) Participate in any evaluation, counseling, treatment, or education program as directed by the probation officer, keeping all appointments and abiding by the rules, regulations, and direction of each program.

Nếu bị cáo bị phạt trung cấp thì ngoài các điều kiện và điều khoản nêu trên, bị cáo cũng phải tuân thủ các điều kiện quản chế trung cấp dưới đây: (1) Nếu nhân viên quản chế yêu cầu, bị cáo phải làm việc phục vụ cộng đồng dưới sự giám sát của Phân Bộ Cải Huấn Tại Ngoại và đóng lệ phí theo quy định trong G.S. 143B-708. Tuy nhiên bị cáo không phải đóng phí này nếu Tòa Án đã ra lệnh quy định việc phục vụ cộng đồng là một điều kiện quản chế đặc biệt và tính lệ phí đó cho bị cáo trong vụ án này hoặc bất kỳ vụ án nào khác được phân xử trong cùng một nhiệm kỳ tòa án. (2) Không được dùng, chứa chấp hoặc kiểm soát các loại đồ uống có cồn (rượu, bia...). (3) Không ra khỏi quận/hạt cư trú của bị cáo trừ phi được Tòa Án hoặc nhân viên quản chế cho phép bằng văn bản. (4) Tham gia vào tất cả các chương trình thẩm định, tư vấn, điều trị hay giáo dục theo chỉ thị của nhân viên quản chế, có mặt đúng giờ tại tất cả các buổi hẹn và tuân theo các nội quy, quy định và chỉ dẫn của từng chương trình.

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)

Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.

(Xem mặt sau)

**COMMUNITY AND INTERMEDIATE PROBATION CONDITIONS - G.S. 15A-1343(a1)**  
**CÁC ĐIỀU KIỆN QUẢN CHẾ TRONG CỘNG ĐỒNG VÀ TRUNG CẤP -**  
**G.S. 15A-1343(a1)**

**NOTE:** The conditions in this section may not be imposed for offenses committed before Dec. 1, 2011, or for defendants placed on probation for a sentence under G.S. 20-179.  
**LƯU Ý:** Không được áp dụng các điều kiện trong mục này cho những tội vi phạm trước ngày 1 Tháng Mười Hai, 2011, hoặc cho những bị cáo chịu lệnh quản chế căn cứ vào một bản án được tuyên theo G.S. 20-179.

In addition to complying with the regular and any special conditions of probation set forth in the "Judgment Suspending Sentence" entered in the case(s) listed on the reverse, the defendant shall also comply with the following conditions of probation, which may be imposed for any community or intermediate punishment:

Ngoài việc tuân thủ các điều kiện quản chế thông thường và đặc biệt (nếu có) được nêu trong mẫu "Phán Quyết Án Treo" đã ban hành trong (các) vụ án được ghi ở mặt sau, bị cáo còn phải tuân thủ các điều kiện quản chế dưới đây, mà có thể được áp dụng đối với những người chịu hình phạt trong cộng đồng hoặc hình phạt trung cấp:

1. Submit to house arrest with electronic monitoring, remain at the defendant's residence for a period of \_\_\_\_\_  days,  months, abide by all rules, regulations and directions of the probation officer regarding such monitoring, and pay the fees prescribed in G.S. 15A-1343(c2) as provided under Modified Monetary Conditions. The defendant may leave the residence for the following purpose(s) and as otherwise permitted by the probation officer:  employment  counseling  a course of study  vocational training.

1. Bị cáo đồng ý bị quản thúc tại gia với thiết bị theo dõi điện tử và ở nguyên trong nhà của mình trong thời gian \_\_\_\_\_  ngày  tháng, tuân theo tất cả các quy định, quy chế và hướng dẫn của nhân viên quản chế liên quan đến việc theo dõi, và thanh toán các lệ phí quy định trong G.S. 15A-1343(c2) như được nêu trong mục Các Điều Kiện Về Chi Phí Điều Chính. Bị cáo có thể ra khỏi nhà ở vì (các) mục đích sau đây, và vào những dịp khác nếu nhân viên quản chế cho phép:  đi làm  tham gia chương trình tư vấn  đi học  tham gia chương trình huấn nghệ.

Other:

Điều kiện khác:

2. Complete \_\_\_\_\_ hours of community service during the first \_\_\_\_\_ days after entry of this Order, as directed by the judicial services coordinator. The fee prescribed by G.S. 143B-708 is

2. Hoàn tất \_\_\_\_\_ giờ phục vụ cộng đồng trong \_\_\_\_\_ ngày đầu sau khi ban hành lệnh này và theo hướng dẫn của nhân viên điều phối dịch vụ tòa án. Lệ phí được quy định trong điều G.S. 143B-708

not due because it is assessed in a case adjudicated during the same term of court.

được miễn bởi vì bị cáo đã bị tính lệ phí đó trong một vụ án khác được phân xử trong cùng một nhiệm kỳ tòa án.

to be paid  pursuant to the schedule set out under Monetary Conditions in the "Judgment Suspending Sentence."  within \_\_\_\_\_ days of this Judgment and before beginning service.

phải được thanh toán  theo lịch được nêu trong mục Các Điều Kiện Về Chi Phí trong bản "Phán Quyết Án Treo."  trong vòng \_\_\_\_\_ ngày sau ngày ban hành Phán Quyết này và trước khi bắt đầu phục vụ cộng đồng.

Other:

Điều kiện khác:

3. Submit to the following period(s) of confinement in the custody of the  Sheriff of this County.  \_\_\_\_\_ (other local confinement facility)  and pay jail fees. The defendant shall report in a sober condition to serve the term(s) indicated below.

3. Đồng ý ở nhà giam trong (các) khoảng thời gian dưới đây dưới sự quản lý của  Cảnh sát trưởng quận/hạt này.  \_\_\_\_\_ (cơ sở giam giữ địa phương khác)  và thanh toán các chi phí nhà tù. Bị cáo phải trình diện trong tình trạng tỉnh táo để thi hành án tù vào (các) thời gian dưới đây.

**NOTE:** Periods of confinement imposed here must be for two-day or three-day consecutive periods, only, for no more than six days in a single month, and in no more than three separate months during the period of probation. To impose special probation under G.S. 15A-1351, see INTERMEDIATE PUNISHMENTS, on the reverse.

**LƯU Ý:** Các khoảng thời gian ở tù ghi dưới đây chỉ được kéo dài hai hoặc ba ngày liên tiếp, không hơn, với thời gian ở tù không quá sáu ngày mỗi tháng và không quá ba tháng riêng biệt trong suốt thời gian quản chế. Để áp dụng biện pháp kết hợp phạt tù và quản chế theo G.S. 15A-1351, xem phần CÁC HÌNH PHẠT TRUNG CẤP ở mặt sau.

Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Hour Giờ	<input type="checkbox"/> AM Sáng	for trong	<input type="checkbox"/> 2 days 2 ngày
		<input type="checkbox"/> PM Chiều		<input type="checkbox"/> 3 days 3 ngày
Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Hour Giờ	<input type="checkbox"/> AM Sáng	for trong	<input type="checkbox"/> 2 days 2 ngày
		<input type="checkbox"/> PM Chiều		<input type="checkbox"/> 3 days 3 ngày
Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Hour Giờ	<input type="checkbox"/> AM Sáng	for trong	<input type="checkbox"/> 2 days 2 ngày
		<input type="checkbox"/> PM Chiều		<input type="checkbox"/> 3 days 3 ngày

Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Hour Giờ	<input type="checkbox"/> AM Sáng	for trong	<input type="checkbox"/> 2 days 2 ngày
		<input type="checkbox"/> PM Chiều		<input type="checkbox"/> 3 days 3 ngày
Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Hour Giờ	<input type="checkbox"/> AM Sáng	for trong	<input type="checkbox"/> 2 days 2 ngày
		<input type="checkbox"/> PM Chiều		<input type="checkbox"/> 3 days 3 ngày
Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Hour Giờ	<input type="checkbox"/> AM Sáng	for trong	<input type="checkbox"/> 2 days 2 ngày
		<input type="checkbox"/> PM Chiều		<input type="checkbox"/> 3 days 3 ngày

Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Hour Giờ	<input type="checkbox"/> AM Sáng	for trong	<input type="checkbox"/> 2 days 2 ngày
		<input type="checkbox"/> PM Chiều		<input type="checkbox"/> 3 days 3 ngày
Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Hour Giờ	<input type="checkbox"/> AM Sáng	for trong	<input type="checkbox"/> 2 days 2 ngày
		<input type="checkbox"/> PM Chiều		<input type="checkbox"/> 3 days 3 ngày
Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Hour Giờ	<input type="checkbox"/> AM Sáng	for trong	<input type="checkbox"/> 2 days 2 ngày
		<input type="checkbox"/> PM Chiều		<input type="checkbox"/> 3 days 3 ngày

4. Obtain a substance abuse assessment, monitoring or treatment as follows:

4. Tham gia chương trình thẩm định, theo dõi hoặc điều trị tình trạng lạm dụng chất gây nghiện như sau:

5. (for offenses committed on or after December 1, 2012) Abstain from alcohol consumption and submit to continuous alcohol monitoring for a period of \_\_\_\_\_  days,  months, the Court having found that a substance abuse assessment has identified defendant's alcohol dependency or chronic abuse.

5. (đối với các tội vi phạm vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười Hai, 2012) Không dùng đồ uống có cồn (rượu, bia v.v...) và đồng ý đeo thiết bị xét nghiệm cồn trong mẫu liên tục trong thời gian \_\_\_\_\_  ngày  tháng, căn cứ vào việc Tòa Án xác nhận kết quả của buổi thẩm định tình trạng lạm dụng chất gây nghiện cho rằng bị cáo có tình trạng nghiện hoặc lạm dụng rượu dài hạn.

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)

Các nội dung không được đánh dấu vào ở vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.

(Xem mặt sau)



6. Participate in an educational or vocational skills development program as follows:  
6. Tham gia vào một chương trình phát triển kiến thức hoặc kỹ năng nghề nghiệp như sau:
7. Submit to satellite-based monitoring, if required on the attached AOC-CR-615, Side Two.  
7. Đồng ý được theo dõi bằng vệ tinh, nếu được quy định ở Mặt Hai của mẫu AOC-CR-615.

**CONFINEMENT IN RESPONSE TO VIOLATION (CRV) - G.S. 15A-1344(d2)**  
**PHẠT TÙ DO CÓ HÀNH VI VI PHẠM (CRV) - G.S. 15A-1344(d2)**

**NOTE:** Confinement under this section may be imposed only upon finding of violation of probation when the violation(s) occurred on or after December 1, 2011. Any period of confinement imposed under this section shall run concurrently with any period(s) of confinement imposed in other cases in response to the same violation. Confinement under Nos. 1.a., 1.b., or 1.d. may NOT be ordered if the defendant has previously received two periods of confinement under G.S. 15A-1344(d2). Confinement under this section may not be ordered at all for defendants on probation pursuant to deferred prosecution or conditional discharge.

**LƯU Ý:** Chỉ được phép phạt tù trong phần này khi xác nhận rằng bị cáo đã vi phạm lệnh quản chế và (các) vi phạm đó xảy ra vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười Hai, 2011. Bất kỳ án tù nào áp đặt trong phần này đều phải được thi hành song song với (các) án tù được ban hành trong những vụ án khác đối với cùng vi phạm này. KHÔNG ĐƯỢC phạt tù theo những mục 1.a., 1.b., hay 1.d. nếu bị cáo đã bị giam hai lần trước đây theo G.S. 15A-1344(d2). Không được sử dụng phần này để phạt tù cho bất kỳ bị cáo nào được cho hưởng lệnh quản chế như một phần của thủ tục hoãn tố hoặc xóa bỏ bản án có điều kiện.

In accord with the Court's Other Modification Of Probation No. 10 on AOC-CR-609, Page One, Side Two, the Court ORDERS:

Phù hợp với mục số 10 trong phần Các Điều Kiện Quản Chế Khác Được Sửa Đổi của Tòa Án, được ghi trong Mặt Hai, Trang Một của mẫu AOC-CR-609, Tòa Án RA LỆNH:

1. The defendant shall be confined for:

1. Bị cáo bị phạt tù giam trong:

**NOTE TO COURT:** If imposing confinement for felony probation and more than 90 days remain on the defendant's maximum imposed sentence, select No. a. If 90 days or fewer remain on the maximum imposed sentence for a felony, No. d. must be selected, imposing the entire remainder of the sentence. If imposing confinement for a defendant on probation for a non-Structured Sentencing misdemeanor or a defendant placed on probation before Dec. 1, 2015, for a Structured Sentencing (SSA) misdemeanor, the duration of confinement is within the court's discretion (up to 90 days or the remainder of the suspended sentence, whichever is less); select No. b. If imposing confinement for less than the remainder of the sentence; select No. d. If the confinement is equal to the remaining sentence. If imposing confinement for a defendant placed on probation on or after Dec. 1, 2015, for an SSA misdemeanor select No. c.

**LƯU Ý DÀNH CHO TÒA ÁN:** Trong trường hợp phạt tù vì bị cáo vi phạm lệnh quản chế đối với tội đại hình và thời gian còn lại trong bản án tối đa đã tuyên cho bị cáo là nhiều hơn 90 ngày, hãy chọn mục a. Nếu thời gian còn lại trong bản án tối đa đã tuyên đối với tội đại hình đó là từ 90 ngày trở xuống thì phải chọn mục d. để phạt toàn bộ thời gian còn lại trong bản án. Nếu phạt tù cho một bị cáo đang chịu lệnh quản chế vì một tội tiểu hình không theo khung phạt, hoặc cho một bị cáo nhận lệnh quản chế trước ngày 1 Tháng Mười Hai, 2015 vì một tội tiểu hình theo khung phạt (Structured Sentencing hay SSA), thì Tòa Án có thẩm quyền quyết định thời gian ở tù (đến mức tối đa là 90 ngày hoặc thời gian còn lại trong bản án treo, tùy theo khoảng thời gian hào ngắn hơn): hãy chọn mục b. nếu phạt thời gian ở tù ít hơn thời gian còn lại trong bản án treo; hoặc chọn mục d. nếu phạt thời gian ở tù bằng với thời gian còn lại trong bản án treo. Nếu phạt tù cho một bị cáo đã nhận lệnh quản chế vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười Hai, 2015 vì một tội tiểu hình theo khung phạt (SSA), hãy chọn mục c.

a. 90 days, for felony probation.

a. 90 ngày, đối với lệnh quản chế đại hình.

b. \_\_\_\_\_ days, for misdemeanor probation (impose only for non-SSA misdemeanor or if placed on probation before Dec. 1, 2015, for SSA misdemeanor).

b. \_\_\_\_\_ ngày đối với lệnh quản chế tiểu hình (chỉ dùng mục này cho các bị cáo phạm tội tiểu hình không theo khung phạt hoặc nhận lệnh quản chế trước ngày 1 Tháng Mười Hai, 2015 vì một tội tiểu hình theo khung phạt).

c. the period(s) specified in Community And Intermediate Probation Conditions No. 3, above (impose only if placed on probation for SSA misdemeanor on or after Dec. 1, 2015).

c. (các) khoảng thời gian được quy định ở mục số 3 của phần Các Điều Kiện Quản Chế Trong Cộng Đồng và Trung Cấp trên đây (chỉ dùng mục này nếu bị cáo nhận lệnh quản chế vì một tội tiểu hình theo khung phạt vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười Hai, 2015).

d. (balance of remaining sentence) \_\_\_\_\_ days, the period remaining to be served of the defendant's suspended sentence. Upon completion of this period of incarceration, defendant's probation is terminated.

d. (số ngày còn lại trong bản án) \_\_\_\_\_ ngày, là thời gian ở tù còn lại trong bản án treo của bị cáo. Khi thi hành xong án tù này, lệnh quản chế bị cáo sẽ được hủy bỏ.

**NOTE:** AOC-CR-612 must be completed in EVERY CASE in which the defendant was ordered in the original Judgment Suspending Sentence, as a condition of probation, to pay restitution in an amount in excess of \$250 to a Victims' Rights Act (VRA) victim. For a restitution award previously docketed for a VRA victim, the clerk may not begin the accrual of interest or issue a writ of execution until AOC-CR-612 is complete and probation terminates on the date specified in No. d.

**LƯU Ý:** Phải điền đầy đủ mẫu AOC-CR-612 TRONG MỖI TRƯỜNG HỢP mà một trong những điều kiện quản chế quy định trong Phán Quyết Án Treo ban đầu là bị cáo phải trả tiền bồi thường nhiều hơn 250\$ cho một nạn nhân theo Điều Luật về Quyền của Nạn Nhân (Victims' Rights Act - VRA). Đối với các phán quyết bồi thường đã được ghi vào quyển ghi án của tòa trước đây cho một nạn nhân diện VRA, lục sự phải chờ cho đến khi mẫu AOC-CR-612 được điền đầy đủ và lệnh quản chế hết hạn vào ngày ghi ở mục d. trên đây thì mới có thể bắt đầu tính tiền lãi hoặc ban hành trả thi hành.

2. The period of confinement imposed above shall be served in the custody of the:

N.C. DACJJ.  Sheriff of \_\_\_\_\_ County.  Misdemeanant Confinement Program.  Other: \_\_\_\_\_.

2. Thời gian phạt tù quy định ở trên sẽ được thi hành dưới sự quản lý của:

Phân Bộ Cải Huấn Người Trưởng Thành và Trẻ Vị Thành Niên của NC  Cảnh Sát Trưởng Quận/Hạt \_\_\_\_\_  Chương Trình

Giam Giữ Người Phạm Tội Tiểu Hình  Nơi khác: \_\_\_\_\_.

**NOTE:** A felony CRV for a probation violation occurring before Oct. 1, 2014, and all non-felony CRVs (regardless of violation date) must be served with the custodian named in the Judgment Suspending Sentence. A felony CRV for a violation occurring on or after Oct. 1, 2014, must be served in DACJJ.

**LƯU Ý:** Các bản án phạt tù do có hành vi vi phạm lệnh quản chế đại hình xảy ra trước ngày 1 Tháng Mười, 2014, và tất cả các bản án phạt tù do có hành vi vi phạm lệnh quản chế tiểu hình (không cần biết ngày phạm tội) đều phải được thi hành ở nơi giam giữ được nêu trong Phán Quyết Án Treo. Các bản án phạt tù do có hành vi vi phạm lệnh quản chế đại hình xảy ra vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười, 2014 phải được thi hành ở Phân Bộ Cải Huấn Người Trưởng Thành và Trẻ Vị Thành Niên.

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)

Các nội dung không được đánh dấu vào ở vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.

(Xem mặt sau)

3. The defendant shall be given credit for \_\_\_\_\_ days confined as a result of the violation and prior to the date of this Order. Any credit found here and not applied by No. 4 to the confinement imposed in No. 1 shall be applied to the remainder of defendant's sentence, if activated.
3. Bị cáo được trừ \_\_\_\_\_ ngày đã bị giam liên quan đến vi phạm này trước ngày ra Lệnh này. Nếu trong Mục 4 không áp dụng hết số ngày đó cho thời gian giam giữ quy định trong Mục 1 thì số ngày dư sẽ được trừ vào thời gian còn lại trong bản án của bị cáo, nếu lệnh quản chế bị hủy bỏ và án tù được phục hồi.
4. Of the credit found in No. 3, \_\_\_\_\_ days shall be applied to the period of confinement imposed in No. 1.
4. Trong số ngày được trừ nêu ở Mục 3, \_\_\_\_\_ ngày được áp dụng cho thời gian phạt tù nêu ở Mục 1.
- NOTE:** A felony CRV imposed for a probation violation occurring on or after Oct. 1, 2014, may not be reduced by credit for time already served in the case.  
**LƯU Ý:** Đối với các trường hợp phạt tù do có hành vi vi phạm lệnh quản chế đại hình xảy ra vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười, 2014, Tòa Án không thể giảm thời gian phạt tù bằng cách trừ đi số ngày đã bị giam trước đây liên quan đến vụ án đó.
5. Other:  
 5. Điều kiện khác:

Date (mm/dd/yyyy)  
 Ngày (tháng/ngày/năm)

Name Of Presiding Judge (type or print)  
 Tên của Thẩm Phán Chủ Tòa (đánh máy hay viết chữ in)

Signature Of Presiding Judge  
 Chữ ký của Thẩm Phán Chủ Tòa

VUI LÒNG ĐIỀN VÀO PHIÊN BẢN TIẾNG ANH CỦA MẪU NÀY

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.  
 Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.